

**BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT HỌC TẬP LẦN 1 (HỌC KỲ 2, NĂM HỌC 2023-2024)**

**LỚP K16A-D2A (BẠC CAO ĐẲNG TT09, NGÀNH DƯỢC, KHÓA 2022-2025)**

|    |          |                 |       | Số Đvht :   | 6   | 3   | 5   | 4      | 4   |     |            |                   |                                           |
|----|----------|-----------------|-------|-------------|-----|-----|-----|--------|-----|-----|------------|-------------------|-------------------------------------------|
|    |          |                 |       | Số thứ tự : | (1) | (2) | (3) | (4)    | (5) |     |            |                   |                                           |
| TT | Mã số    | Họ và tên       |       | Ngày sinh   | HD  | BH  | DLN | KETING | KNT | ĐTB | Xếp loại   | Kết quả rèn luyện | Các MH/MĐ thi lại<br>(Stt MH/MĐ : Thi L1) |
| 1  | 16011007 | Nguyễn Cao Việt | An    | 12/12/2004  | 0.0 | 0.0 | 0.0 | 0.0    | 0.0 | 0.0 | Yếu        |                   | 5=100.0%(2:0)(4:0)                        |
| 2  | 16011026 | Ứng Hồng Minh   | Anh   | 20/03/2002  | 7.1 | 8.0 | 7.6 | 7.4    | 6.3 | 7.2 | Khá        |                   |                                           |
| 3  | 16011028 | Vũ Thị Vân      | Anh   | 24/12/2001  | 7.5 | 8.9 | 7.3 | 8.0    | 7.8 | 7.8 | Khá        |                   |                                           |
| 4  | 16011031 | Bùi Phương      | Anh   | 01/08/2004  | 0.0 | 0.0 | 0.0 | 0.0    | 0.0 | 0.0 | Yếu        |                   | 5=100.0%(2:0)(4:0)                        |
| 5  | 16011020 | Nguyễn Thị Hải  | Ánh   | 10/01/2004  | 7.9 | 8.7 | 7.3 | 8.0    | 7.1 | 7.7 | Khá        |                   |                                           |
| 6  | 16011031 | Hứa Thị Ngọc    | Ánh   | 07/07/2004  | 7.3 | 8.0 | 6.7 | 7.9    | 6.5 | 7.2 | Khá        |                   |                                           |
| 7  | 16011026 | Lò Thị Kim      | Bình  | 28/08/2004  | 0.0 | 0.0 | 0.0 | 0.0    | 0.0 | 0.0 | Yếu        |                   | 5=100.0%(2:0)(4:0)                        |
| 8  | 16011031 | Cử Thị Hồng     | Chung | 10/10/2004  | 0.0 | 0.0 | 0.0 | 0.0    | 0.0 | 0.0 | Yếu        |                   | 5=100.0%(2:0)(4:0)                        |
| 9  | 16011028 | Nguyễn Thị      | Diệu  | 26/01/2004  | 8.1 | 8.6 | 6.9 | 7.9    | 7.7 | 7.8 | Khá        |                   |                                           |
| 10 | 16011021 | Bùi Thái        | Dương | 04/11/2001  | 8.5 | 8.4 | 8.2 | 7.4    | 8.8 | 8.3 | Giỏi       |                   |                                           |
| 11 | 16011020 | Phan Tiến       | Đạt   | 20/04/2004  | 7.4 | 8.3 | 7.0 | 8.0    | 7.7 | 7.6 | Khá        |                   |                                           |
| 12 | 16011025 | Hoàng Thị Thu   | Hà    | 03/01/2004  | 0.0 | 0.0 | 0.0 | 0.0    | 0.0 | 0.0 | Yếu        |                   | 5=100.0%(2:0)(4:0)                        |
| 13 | 16011028 | Lê Thị          | Hà    | 29/09/2004  | 8.0 | 8.0 | 7.1 | 7.6    | 6.3 | 7.4 | Khá        |                   |                                           |
| 14 | 16011020 | Võ Thị          | Hậu   | 30/08/1998  | 0.0 | 8.0 | 6.7 | 3.0    | 6.7 | 4.4 | Yếu        |                   | 2=40.0%(4:0)                              |
| 15 | 16011022 | Nguyễn Thị Thúy | Hiền  | 13/06/2004  | 3.6 | 8.0 | 7.5 | 7.8    | 6.8 | 6.4 | T.bình khá |                   | 1=20.0%                                   |
| 16 | 16011028 | Nguyễn Thị      | Hiền  | 28/11/2002  | 7.2 | 8.0 | 7.4 | 3.0    | 6.1 | 6.4 | T.bình khá |                   | 1=20.0%(4:0)                              |
| 17 | 16011039 | Nguyễn Thị      | Hiền  | 10/09/2003  | 0.0 | 0.0 | 0.0 | 0.0    | 0.0 | 0.0 | Yếu        |                   | 5=100.0%(2:0)(4:0)                        |
| 18 | 16011026 | Phan Thế        | Huy   | 29/09/1999  | 7.5 | 3.2 | 7.6 | 8.0    | 3.5 | 6.3 | T.bình khá |                   | 2=40.0%(2:0)                              |
| 19 | 16011024 | Bùi Thị Khánh   | Huyền | 26/01/2004  | 0.0 | 0.0 | 0.0 | 0.0    | 0.0 | 0.0 | Yếu        |                   | 5=100.0%(2:0)(4:0)                        |

|    |          |                 | Số Đvht :   | 6          | 3   | 5   | 4    | 4       |     |     |            |                      |                                           |
|----|----------|-----------------|-------------|------------|-----|-----|------|---------|-----|-----|------------|----------------------|-------------------------------------------|
|    |          |                 | Số thứ tự : | (1)        | (2) | (3) | (4)  | (5)     |     |     |            |                      |                                           |
| TT | Mã số    | Họ và tên       |             | Ngày sinh  | HD  | BH  | DLCN | KETTING | KNT | ĐTB | Xếp loại   | Kết quả<br>rèn luyện | Các MH/MĐ thi lại<br>(Stt MH/MĐ : Thi L1) |
| 20 | 16011024 | Nguyễn Mai      | Hương       | 18/07/2004 | 7.4 | 8.6 | 7.7  | 8.0     | 6.9 | 7.7 | Khá        |                      |                                           |
| 21 | 16011026 | Trần Thị Quỳnh  | Hương       | 07/07/2004 | 3.7 | 8.0 | 7.3  | 7.8     | 6.4 | 6.3 | T.bình khá |                      | 1=20.0%                                   |
| 22 | 16011029 | Đặng Trung      | Kiên        | 15/10/1998 | 0.0 | 0.0 | 0.0  | 0.0     | 0.0 | 0.0 | Yếu        |                      | 5=100.0%(2:0)(4:0)                        |
| 23 | 16011012 | Lâm Ngọc        | Linh        | 11/12/2004 | 0.0 | 0.0 | 0.0  | 0.0     | 0.0 | 0.0 | Yếu        |                      | 5=100.0%(2:0)(4:0)                        |
| 24 | 16011014 | Lê Nguyễn Thùy  | Linh        | 11/12/2004 | 7.6 | 8.0 | 6.5  | 8.0     | 6.0 | 7.2 | Khá        |                      |                                           |
| 25 | 16011015 | Nguyễn Phương   | Linh        | 19/08/2004 | 0.0 | 0.0 | 0.0  | 0.0     | 0.0 | 0.0 | Yếu        |                      | 5=100.0%(2:0)(4:0)                        |
| 26 | 16011035 | Nguyễn Quốc     | Linh        | 05/10/2002 | 0.0 | 0.0 | 0.0  | 0.0     | 0.0 | 0.0 | Yếu        |                      | 5=100.0%(2:0)(4:0)                        |
| 27 | 16011040 | Nguyễn Thị Thùy | Linh        | 11/07/2004 | 0.0 | 0.0 | 0.0  | 0.0     | 0.0 | 0.0 | Yếu        |                      | 5=100.0%(2:0)(4:0)                        |
| 28 | 16011038 | Nguyễn Thành    | Long        | 23/06/2004 | 0.0 | 0.0 | 0.0  | 0.0     | 0.0 | 0.0 | Yếu        |                      | 5=100.0%(2:0)(4:0)                        |
| 29 | 16011026 | Bùi Xuân        | Mai         | 06/10/2004 | 0.0 | 0.0 | 0.0  | 0.0     | 0.0 | 0.0 | Yếu        |                      | 5=100.0%(2:0)(4:0)                        |
| 30 | 16011025 | Lò Văn Tuấn     | Mạnh        | 25/03/2003 | 0.0 | 0.0 | 0.0  | 0.0     | 0.0 | 0.0 | Yếu        |                      | 5=100.0%(2:0)(4:0)                        |
| 31 | 16011029 | Trần Phương     | Nam         | 12/11/1997 | 0.0 | 0.0 | 0.0  | 0.0     | 0.0 | 0.0 | Yếu        |                      | 5=100.0%(2:0)(4:0)                        |
| 32 | 16011029 | Trần Thị Kiều   | Nga         | 22/02/2002 | 7.8 | 8.0 | 7.8  | 8.0     | 7.4 | 7.8 | Khá        |                      |                                           |
| 33 | 16011024 | Trương Đại      | Nghĩa       | 20/10/2004 | 8.4 | 8.0 | 7.1  | 7.7     | 6.5 | 7.6 | Khá        |                      |                                           |

**Xếp loại học tập: Xuất sắc: 0 (0.0%), Giỏi: 1 (3.0%), Khá: 11 (33.3%), T.bình khá: 4 (12.1%), Trung bình: 0 (0.0%), Yếu: 17 (51.5%),  
Xếp loại rèn luyện: Xuất sắc: 0 (0.0%), Tốt: 0 (0.0%), Khá: 0 (0.0%), Trung bình: 0 (0.0%), Yếu: 0 (0.0%),**

*Hà Nội, ngày 25 tháng 4 năm 2025*

**KT. HIỆU TRƯỞNG**

**TPHÓ HIỆU TRƯỞNG**

**TS. Lê Thanh Sơn**

---

**Ghi chú:**

(1) HD: HÓA DƯỢC

(2) BH: BỆNH HỌC

(3) DLCN: DƯỢC LÝ CHUYÊN NGÀNH

(4) KT&MARKETING DƯỢC : KT VÀ MARKTING

(5) KNT: KN THUỐC